BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 2022

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

MỤC LỤC

		Trang
1.	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
3.	Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	7 - 8
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	9 - 10
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	11
6.	Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022	12 - 30

****

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp. Mã số doanh nghiệp **4500135891**; đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số 35/GCN-KDXS ngày 14 tháng 4 năm 2009.

Theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận, Công ty được điều chỉnh tăng vốn điều lệ thêm 25.000.000.000 Đồng từ nguồn Quỹ Đầu tư Phát triển của Công ty và được phép trích lập Quỹ Đầu tư phát triển để tạo nguồn bổ sung Vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : **75.000.000.000 Đồng**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 32 Đường 16 tháng 4, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : (0259) 383 0155

Fax : (0259) 382 2707 - 382 2708 - 383 0380

Mã số thuế : **4 5 0 0 1 3 5 8 9 1**

Email : xosoninhthuan@ninhthuan.gov.vn

Website : www.xosoninhthuan.com.vn

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Ông Trần Minh Thanh

Kiểm soát viên

Ông Võ Ngọc Nam

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

1.	Ông	Vũ Đức Kim	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2.	Ông	Tăng Nguyên Nam	Phó Giám đốc
3.	Ông	Võ Anh Lâm	Phó Giám đốc
4.	Ông	Võ Văn Châu	Phó Giám đốc
5.	Bà	Trần Thị Thanh Hiếu	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 2022 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 30.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;

* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

* Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty

M.S.D.N: 4500135891 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN - TP PHAN RANG T.CHÀM - T.NINH THUẬN

Giám đốc - Vũ Đức Kim

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Số: 0906.01.01/2022/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: **CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận được lập ngày 19 tháng 7 năm 2022, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích

hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các chỉ tiêu Phải trả người lao động và Chi phí tiền lương trong kỳ được ghi nhận trên cơ sở tạm trích, do Công ty chưa có đủ thông tin để xác định được các yếu tố năng suất lao động bình quân và yếu tố lợi nhuận trong năm để xác định quỹ tiền lương thực hiện cho năm 2022.

Các chỉ tiêu Dự phòng rủi ro trả thưởng và Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng được ghi nhận trên cơ sở tạm trích; do chưa xác định được yếu tố doanh thu trong năm để xác định chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan vì các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06//2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

M.S.C.N: 0102038482 - 001 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Kiểm toán viên – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1762-2018-124-1

Kiểm toán viên – Lê Ẩn Thoa

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4705-2019-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2022	Ngày 01/01/2022
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**117.121.195.074**	**93.595.732.544**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**		**36.521.155.043**	**18.138.898.568**
111	1. Tiền	V.1	36.521.155.043	18.138.898.568
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**69.000.000.000**	**63.000.000.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.2	69.000.000.000	63.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**9.243.640.031**	**11.070.736.740**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	7.323.831.233	7.496.220.122
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.158.750.000	1.385.550.000
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	761.058.798	2.188.966.618
140	**IV. Hàng tồn kho**		**1.001.400.000**	**1.016.097.236**
141	1. Hàng tồn kho	V.6	1.001.400.000	1.016.097.236
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.355.000.000**	**370.000.000**
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	860.000.000	-
155	2. Tài sản ngắn hạn khác	V.8	495.000.000	370.000.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.897.630.476**	**5.076.768.645**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**4.843.010.279**	**5.073.296.421**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	4.843.010.279	5.073.296.421
222	- *Nguyên giá*		*11.671.702.066*	*11.671.702.066*
223	- *Giá trị hao mòn lũy kế*		*(6.828.691.787)*	*(6.598.405.645)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**		-	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		-	-
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		-	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**54.620.197**	**3.472.224**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	54.620.197	3.472.224
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**122.018.825.550**	**98.672.501.189**

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2022	Ngày 01/01/2022
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**44.085.821.577**	**32.398.201.196**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**44.085.821.577**	**32.398.201.196**
312	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	52.116.000	13.662.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	7.709.103.043	7.114.937.290
314	3. Phải trả người lao động	V.13	4.371.599.216	5.374.457.542
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	1.002.239.102	505.434.678
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.15	28.800.600.450	15.800.600.450
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	2.150.163.766	3.589.109.236
330	**II. Nợ dài hạn**		-	-
400	**D VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**77.933.003.973**	**66.274.299.993**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	V.17	**77.933.003.973**	**66.274.299.993**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		63.104.601.009	63.104.601.009
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.169.698.984	3.169.698.984
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối		11.658.703.980	-
421b	- *LNST chưa phân phối kỳ này*		*11.658.703.980*	-
430	**II. Nguồn kinh phí**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**122.018.825.550**	**98.672.501.189**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2022	Ngày 01/01/2022
	1. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		608.739.681	542.703.318
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		17.885.332.682	17.747.390.134
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		20.400.000.000	20.400.000.000

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Công Uyển Vi	Trần Thị Thanh Hiếu	Vũ Đức Kim

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1	**1.**	**Doanh thu**	VI.18	**147.081.863.637**	**155.484.776.825**
	1.1	Doanh thu kinh doanh xổ số		147.080.445.455	155.481.554.552
	1.1.1	*Xổ số truyền thống*		*145.444.081.817*	*152.754.281.822*
	1.1.2	*Xổ số cào*		*545.454.546*	*1.090.909.092*
	1.1.3	*Xổ số bóc*		*1.090.909.092*	*1.636.363.638*
	1.2	Doanh thu khác		1.418.182	3.222.273
2	**2.**	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	VI.18	**19.184.405.929**	**20.280.202.767**
	2.1	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		19.184.405.929	20.280.202.767
	2.1.1	*Xổ số truyền thống*		*18.970.967.194*	*19.924.471.542*
	2.1.2	*Xổ số cào*		*71.146.245*	*142.292.490*
	2.1.3	*Xổ số bóc*		*142.292.490*	*213.438.735*
	2.2	Giảm trừ doanh thu khác		-	-
10	**3.**	**Doanh thu thuần**	VI.18	**127.897.457.708**	**135.204.574.058**
10.1	3.1	Doanh thu kinh doanh xổ số		127.896.039.526	135.201.351.785
	3.1.1	*Xổ số truyền thống*		*126.473.114.623*	*132.829.810.280*
	3.1.2	*Xổ số cào*		*474.308.301*	*948.616.602*
	3.1.3	*Xổ số bóc*		*948.616.602*	*1.422.924.903*
10.2	3.2	Doanh thu kinh doanh khác		1.418.182	3.222.273
11	**4.**	**Chi phí kinh doanh**	VI.19	**105.216.115.626**	**118.429.142.420**
11.1	4.1	Chi phí kinh doanh xổ số		105.216.115.626	118.429.142.420
	4.1.1	*Chi phí trả thưởng*		*60.235.758.000*	*78.983.512.000*
	4.1.2	*Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*		*44.980.357.626*	*39.445.630.420*
11.2	4.2	Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán		-	-
20	**5.**	**Lợi nhuận gộp**		**22.681.342.082**	**16.775.431.638**
20.1	5.1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		22.679.923.900	16.772.209.365
20.2	5.2	Lợi nhuận từ HĐ bán hàng và cung cấp DV khác		1.418.182	3.222.273
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	656.747.061	588.976.707
22	7.	Chi phí tài chính		-	-
23		*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
26	8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.21	8.903.857.350	9.056.710.319

ĐVT: Đồng

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
30	**9.**	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**14.434.231.793**	**8.307.698.026**
31	10.	Thu nhập khác	VI.22	139.148.182	107.695.090
32	11.	Chi phí khác		-	-
40	**12.**	**Lợi nhuận khác**		**139.148.182**	**107.695.090**
50	**13.**	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**14.573.379.975**	**8.415.393.116**
51	14.	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.23	2.914.675.995	1.683.078.623
60	**15.**	**Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp**		**11.658.703.980**	**6.732.314.493**

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Công Uyển Vi	Trần Thị Thanh Hiếu	Vũ Đức Kim

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		106.263.524.189	109.485.637.050
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(7.240.645.350)	(4.950.566.051)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.316.907.049)	(8.532.654.271)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(1.166.867.859)	(837.048.761)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.183.110.483	2.302.595.839
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(67.666.116.097)	(88.130.207.157)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**25.056.098.317**	**9.337.756.649**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(43.000.000.000)	(42.000.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	37.000.000.000	37.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		656.747.061	964.808.218
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(5.343.252.939)**	**(4.035.191.782)**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.12	(1.330.588.903)	(750.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**(1.330.588.903)**	**(750.000.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**18.382.256.475**	**4.552.564.867**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	V.1	**18.138.898.568**	**21.794.987.956**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	V.1	**36.521.155.043**	**26.347.552.823**

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Công Uyển Vi	Trần Thị Thanh Hiếu	Vũ Đức Kim

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh : Xổ số Kiến thiết và các hoạt động vui chơi có thưởng

Cấu trúc Công ty

Công ty tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh bao gồm Trụ sở chính và các Văn phòng đại diện (VPĐD) sau đây:

- ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Đăk Lăk***

  Địa chỉ : Số 27 Trần Quang Khải, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đăk Lắk

  Mã số : **4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 0 0 1**

- ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Thừa Thiên - Huế***

  Địa chỉ : Số 14A Ngô Gia Tự, Phường Vĩnh Ninh, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế

  Mã số : **4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 0 0 2**

- ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Đà Nẵng***

  Địa chỉ : Số 02 Lê Lợi, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

  Mã số : **4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 0 0 3**

- ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Bình Định***

  Địa chỉ : Số 63 Ỷ Lan, Phường Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

  Mã số : **4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 0 0 4**

❖ ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Phú Yên***

Địa chỉ : Số 41 Ngô Quyền, Phường 5, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Mã số : **4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 0 0 5**

❖ ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Khánh Hòa***

Địa chỉ : Số 164 Hoàng Văn Thụ, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Mã số : **4 5 0 0 1 3 5 8 9 1 – 0 0 6**

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.

Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư trên, Công ty thực hiện theo Luật Kế toán và các quy định kế toán hiện hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

	Nhóm Tài sản cố định	**Số năm**
-	Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
-	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
-	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ảnh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;

- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.

Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Mức trích lập của Công ty phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

10. Vốn chủ sở hữu

❖ ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

❖ ***Trích lập các quỹ***

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số; từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động tài chính;

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ ***Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số***

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ căn cứ Biên bản phát hành và thu hủy vé số được lập bởi Hội đồng Giám sát xổ số Tỉnh Ninh Thuận.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: "Doanh thu có thuế" và "Doanh thu chưa có thuế"

- **"Doanh thu có thuế"** là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
- **"Doanh thu chưa có thuế"** là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ ***Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số***

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

12. Các khoản chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù *(theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số)*

13. Chi phí Thuế Thu nhập hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

ĐVT: Đồng

		Ngày 30/6/2022	Ngày 01/01/2022
1.	**Tiền**		
-	Tiền mặt tại quỹ	183.252.811	757.081.371
-	Tiền gửi ngân hàng	36.337.902.232	17.381.817.197
	Cộng	**36.521.155.043**	**18.138.898.568**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn.

-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Thuận	30.000.000.000	20.000.000.000
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	20.000.000.000	25.000.000.000
-	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ninh Thuận	1.000.000.000	1.000.000.000
-	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Khu vực Khánh Hòa - Ninh Thuận	5.000.000.000	5.000.000.000
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Ninh Thuận	13.000.000.000	12.000.000.000
	Cộng	**69.000.000.000**	**63.000.000.000**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản tiền vé số còn phải thu của các đại lý vé số:

		Ngày 30/6/2022	Ngày 01/01/2022
-	Nguyễn Thị Hoàng Hải	647.091.063	590.783.493
-	Phạm Thị Thanh	537.757.222	209.743.040
-	Lê Thị Mân	463.413.915	814.809.675
-	Nguyễn Thị Như Mai (TH Đà Nẵng)	440.648.500	431.859.500
-	Công ty TNHH Phúc Khánh Phương	371.443.000	249.042.500
-	NKD Trần Nguyên Thảo (Kiểm - Kiệt)	352.080.925	261.983.805
-	Lương Thị Thu Lệ	328.552.985	267.565.780
-	Trần Thị Lự (Độc Lập)	323.706.002	253.664.002
-	Nhóm KD Ngọc Thu	239.179.420	404.278.650
-	Nguyễn Thị Vân Lan (Thống Nhất)	300.191.500	337.866.500
-	Vũ Thị Minh Ánh	283.509.880	193.427.720
-	Công ty TNHH MTV Vé Số Sơn Trà	257.413.900	164.706.400
-	Nhóm KD Ngọc Hùng	205.907.168	216.047.568
-	Công ty TNHH MTV Triều Gia (Nhạn)	179.299.000	174.794.000
-	Phạm Nguyễn Bảo Thịnh	173.687.365	167.105.085
-	Võ Đình Vinh	158.386.520	279.078.075
-	Công ty TNHH Chấn Giang	-	185.104.971
-	Các đối tượng khác	2.061.562.868	2.294.359.358
	Cộng	**7.323.831.233**	**7.496.220.122**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

-	Công ty TNHH MTV In nhân dân Bình Định	1.134.000.000	1.360.800.000
-	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - CN tại TP.HCM	24.750.000	24.750.000
	Cộng	**1.158.750.000**	**1.385.550.000**

5. Phải thu ngắn hạn khác

-	Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	215.123.288	1.633.219.179
-	Thu hộ thuế TNCN của CB CNV	477.422.513	453.723.260
-	Các đối tượng khác	68.512.997	102.024.179
	Cộng	**761.058.798**	**2.188.966.618**

6. Hàng tồn kho

-	Hàng gửi đi bán	411.274.280	313.533.260
-	Vé xố số (Truyền thống)	185.325.720	218.885.940
-	Vé xổ số cào	19.800.000	49.500.000
-	Vé xổ số bóc	385.000.000	434.178.036
	Cộng	**1.001.400.000**	**1.016.097.236**

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	860.000.000	-

Lợi nhuận sau thuế tạm nộp vào ngân sách Nhà nước.

8. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho người lao động trong Công ty:

-	Trần Trung Dũng	50.000.000	50.000.000
-	Hàng Trừu Thông	100.000.000	100.000.000
-	Nguyễn Hoàng Anh Tiến	70.000.000	70.000.000
-	Lê Minh Nghiêm	70.000.000	70.000.000
-	Nguyễn Tử Lượng	50.000.000	-
-	Phạm Đình Thành	30.000.000	30.000.000
-	Trần Đăng Ninh	30.000.000	30.000.000
-	Diệp Thế Dũng	30.000.000	-
-	Tạ Ngọc Quỳnh Uyên	20.000.000	20.000.000
-	Các đối tượng khác	45.000.000	-
	Cộng	**495.000.000**	**370.000.000**

9. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ / Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Tại ngày 01/01/2022	7.062.783.883	4.119.089.637	489.828.546	11.671.702.066
- Tại ngày 30/6/2022	**7.062.783.883**	**4.119.089.637**	**489.828.546**	**11.671.702.066**
Giá trị hao mòn				
- Tại ngày 01/01/2022	**2.777.985.620**	**3.349.136.932**	**471.283.093**	**6.598.405.645**
- Khấu hao trong kỳ	88.284.799	136.437.706	5.563.637	230.286.142
- Tại ngày 30/6/2022	**2.866.270.419**	**3.485.574.638**	**476.846.730**	**6.828.691.787**
Giá trị còn lại				
- Tại ngày 01/01/2022	4.284.798.263	769.952.705	18.545.453	5.073.296.421
- Tại ngày 30/6/2022	**4.196.513.464**	**633.514.999**	**12.981.816**	**4.843.010.279**
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng				
- Tại ngày 01/01/2022	-	2.388.091.818	420.283.091	2.808.374.909
- Tại ngày 30/6/2022	-	**2.418.723.636**	**420.283.091**	**2.839.006.727**

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian phân bổ từ 18 tháng đến 36 tháng.

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Số đầu kỳ	3.472.224	84.885.524
- Tăng trong kỳ	66.036.363	-
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(14.888.390)	(59.887.090)
- **Số cuối kỳ**	**54.620.197**	**24.998.434**

		Ngày 30/6/2022	Ngày 01/01/2022
11.	**Người mua trả tiền trước ngắn hạn**	**52.116.000**	**13.662.000**

Khoản trả trước tiền mua vé cào của Đại lý Trần Thanh Liêm (Đà Nẵng).

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

		Tại ngày 01/01/2022	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2022
-	Thuế Giá trị gia tăng	2.126.388.927	14.272.636.779	14.179.992.774	2.219.032.932
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	2.866.484.585	19.184.405.929	19.056.745.850	2.994.144.664
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	481.415.820	2.914.675.995	1.166.867.859	2.229.223.956
-	Thuế Thu nhập cá nhân	1.170.059.055	3.796.131.858	4.699.489.422	266.701.491
-	Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	104.846.016	104.846.016	-
-	Lệ phí môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
-	Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	470.588.903	-	1.330.588.903	(860.000.000)
	Cộng	**7.114.937.290**	**40.280.696.577**	**40.546.530.824**	**6.849.103.043**
	Trong đó:				
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.114.937.290			7.709.103.043
-	Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.7)		-		(860.000.000)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo Hợp đồng theo đất số 33/KL/HĐ-TĐ ngày 10/10/2012 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích đất thuê	:	1.353,9 m^2
Mục đích thuê	:	Làm trụ sở văn phòng Công ty
Thời gian sử dụng	:	30 năm từ ngày 07/8/1999
Hình thức thuê đất	:	Trả tiền thuê hàng năm.
Đơn giá thuê	:	106.480 Đồng/m^2/năm theo Thông báo số 2458/TB-CT ngày 11/5/2021 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận. Đơn giá thuê ổn định trong 5 năm (từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2025).

Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác thu hộ

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

		Ngày 30/6/2022	Ngày 01/01/2022
13.	**Phải trả người lao động**	**4.371.599.216**	**5.374.457.542**

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý trong công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

14. Phải trả ngắn hạn khác

-	Hội đồng thường trực Miền Trung	974.341.302	486.334.678
-	Thế chấp đại lý	16.000.000	15.000.000
-	Hỗ trợ hợp tác	-	4.100.000
-	Phải trả khác	11.897.800	-
	Cộng	**1.002.239.102**	**505.434.678**

15. Dự phòng rủi ro trả thưởng

		Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
-	Số đầu kỳ	**15.800.600.450**	**15.800.600.450**
-	Tạm trích trong kỳ	13.000.000.000	6.600.000.000
-	**Số cuối kỳ**	**28.800.600.450**	**22.400.600.450**

16. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

		Tại ngày 01/01/2022	Tăng trong kỳ	Chi trong kỳ	Tại ngày 30/6/2022
-	Quỹ Khen thưởng	1.644.906.365	51.720.000	917.700.000	778.926.365
-	Quỹ Phúc lợi	1.487.871.774	-	382.965.469	1.104.906.305
-	Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	456.331.097	-	190.000.001	266.331.096
	Cộng	**3.589.109.236**	**51.720.000**	**1.490.665.470**	**2.150.163.766**

17. Vốn chủ sở hữu

	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
	Kỳ trước (từ 01/01/2021 đến 30/6/2021)			
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.352.506.082	-	60.352.506.082
-	Quỹ Đầu tư phát triển	2.752.094.927	-	2.752.094.927
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	6.732.314.493	6.732.314.493
	Cộng	**63.104.601.009**	**6.732.314.493**	**69.836.915.502**
	Kỳ này (từ 01/01/2022 đến 30/6/2022)			
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	63.104.601.009	-	63.104.601.009
-	Quỹ Đầu tư phát triển	3.169.698.984	-	3.169.698.984
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	11.658.703.980	11.658.703.980
	Cộng	**66.274.299.993**	**11.658.703.980**	**77.933.003.973**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/6/2022

		Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
18.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		
-	**Tổng doanh thu**	**147.081.863.637**	**155.484.776.825**
+	Doanh thu kinh doanh xổ số	147.080.445.455	155.481.554.552
*	*Xổ số truyền thống*	*145.444.081.817*	*152.754.281.822*
*	*Xổ số cào*	*545.454.546*	*1.090.909.092*
*	*Xổ số bóc*	*1.090.909.092*	*1.636.363.638*
+	Doanh thu kinh doanh khác	1.418.182	3.222.273
-	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**19.184.405.929**	**20.280.202.767**
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.184.405.929	20.280.202.767
*	*Xổ số truyền thống*	*18.970.967.194*	*19.924.471.542*
*	*Xổ số cào*	*71.146.245*	*142.292.490*
*	*Xổ số bóc*	*142.292.490*	*213.438.735*
-	**Doanh thu thuần**	**127.897.457.708**	**135.204.574.058**
	Trong đó:		
+	*Doanh thu kinh doanh xổ số*	127.896.039.526	135.201.351.785
+	*Doanh thu kinh doanh khác*	1.418.182	3.222.273

19. Chi phí kinh doanh

		Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
-	**Chi phí trả thưởng**	**60.235.758.000**	**78.983.512.000**
+	Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	*59.236.900.000*	77.316.000.000
+	Chi phí trả thưởng xổ số cào	*373.656.000*	610.394.000
+	Chi phí trả thưởng xổ số bóc	*625.202.000*	1.057.118.000
-	**Chi phí trực tiếp phát hành**	**44.980.357.626**	**39.445.630.420**
+	Chi phí cho các đại lý	24.326.900.060	25.722.266.460
	Trong đó:		
*	*Chi phí hoa hồng đại lý*	*24.268.273.500*	*25.654.456.500*
*	*Chi phí uỷ quyền trả thưởng*	*58.626.560*	*67.809.960*
+	Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	352.750.000	322.600.000
+	Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	13.000.000.000	6.600.000.000
+	Chi phí về vé xổ số	3.164.547.236	2.969.122.800
+	Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	44.151.449	43.133.531
+	Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	53.000.000	53.000.000
+	Chi phí nhân viên	2.224.859.373	2.310.511.248
+	Chi phí trực tiếp phát hành khác	1.814.149.508	1.424.996.381
	Tổng cộng	**105.216.115.626**	**118.429.142.420**

20. Doanh thu hoạt động tài chính — 656.747.061 — 588.976.707

Lãi tiền gửi ngân hàng.

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

		Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
-	Chi phí nhân viên quản lý	5.458.601.864	5.386.964.593
-	Chi phí vật liệu quản lý	80.083.061	40.276.647
-	Chi phí đồ dùng văn phòng	74.573.415	67.484.254
-	Chi phí khấu hao TSCĐ	230.286.142	232.328.262
-	Thuế, phí và lệ phí	113.846.016	153.163.272
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.545.036	115.728.176
-	Chi phí bằng tiền khác	2.834.921.816	3.060.765.115
	Cộng	**8.903.857.350**	**9.056.710.319**

22. Thu nhập khác

-	Doanh thu thanh lý vé số hủy và cùi vé	138.818.182	107.695.090
-	Thu nhập khác	330.000	-
	Cộng	**139.148.182**	**107.695.090**

23. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

-	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**14.573.379.975**	**8.415.393.116**
-	Cộng (+) Chi phí không được trừ	-	-
-	Tổng thu nhập chịu thuế	**14.573.379.975**	**8.415.393.116**
-	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
-	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**2.914.675.995**	**1.683.078.623**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Những khoản cam kết dài hạn

Công ty đang thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng theo đất số 33/KL/HĐ-TĐ ngày 10/10/2012 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Ninh Thuận làm đại diện, tại địa điểm số 32 Đường 16 tháng 4, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm. Thời gian thuê là 30 năm (từ ngày 07 tháng 8 năm 1999) theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.

Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Công Uyển Vi	Trần Thị Thanh Hiếu	Vũ Đức Kim